

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 6 - 2025

Về việc “Ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Mậu và ông Nguyễn Xuân Thí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 175/2024/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2025/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 201/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Minh T; địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hoa S; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố G, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; hiện cư trú tại: Số B, đường W, thành phố T, Đà Loan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các tài liệu trong hồ sơ vụ án anh Trần Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Hoa S quen nhau được một thời gian thì nảy sinh tình cảm yêu đương. Ngày 02/7/2014 anh chị đăng ký kết hôn tại

UBND xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình; việc kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Sau một thời gian chung sống, anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Hiện nay chị S đã đi nước ngoài, nhiều lần anh điện thoại động viên chị về Việt Nam để vợ chồng chung sống, chăm lo cho con cái nhưng chị S không đồng ý. Hai bên gia đình nội ngoại cũng nhiều lần góp ý, động viên vợ chồng hàn gắn tình cảm; tuy nhiên rạn nứt tình cảm ngày càng nhiều hơn nữa. Vì vậy, anh T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử cho anh được ly hôn với chị S.

Về quan hệ con chung: Anh chị có 01 con chung là: Trần Linh Đ, sinh ngày 05/10/2014. Hiện nay con đang ở chung với anh T. Anh đề nghị sau khi ly hôn anh sẽ chăm sóc con và không yêu cầu cấp dưỡng gì.

Về quan hệ tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về bị đơn chị Nguyễn Thị Hoa S: Chị S hiện không có mặt tại địa phương. Tại Công văn số 134/CV-XNC ngày 10/01/2025 của Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q cung cấp thông tin xuất nhập cảnh, thì chị S đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 27/02/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam.

Bà Phạm Thị Đ1, là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Hoa S trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2025 (có xác nhận của UBND xã P, huyện B): Bà là mẹ ruột của chị S, hiện nay chị S đang làm việc tại Đài Loan. Anh T và chị S có với nhau một người con chung tên là Trần Linh Đ sinh năm 2014; hiện nay cháu Linh Đ đang sống với bố và ông bà nội. Anh T và chị S không có tài sản gì chung, không nợ ai và không ai nợ anh T chị S hết. Bản thân bà là người làm cha, làm mẹ, không muốn con cái rạn nứt tình cảm, không muốn gia đình ly tán, nhưng con cái quyết định như thế nào thì tùy vào các con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị xử cho anh Trần Minh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Hoa S; Về con chung: Giao cháu Trần Linh Đ, sinh ngày 05/10/2014 cho anh Trần Minh T nuôi dưỡng, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét; Đương sjw chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tại Công văn số 134/CV-XNC ngày 10/01/2025 của Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q cung cấp thông tin xuất nhập cảnh, thì chị S đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 27/02/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Như vậy, đây là vụ án “Ly hôn” mà bị đơn là công dân Việt Nam đang ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn:

Sau khi thụ lý vụ án, theo địa chỉ của bị đơn chị Nguyễn Thị Hoa S ở nước ngoài mà nguyên đơn cung cấp, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo phương thức tổng đạt đến Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Việt Nam tại Đ, Đài Loan để tổng đạt và thu thập chứng cứ đối với chị Nguyễn Thị Hoa S theo quy định tại khoản 1 Điều 474, Điều 475 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào khoản 3 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã đề nghị Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Việt Nam tại Đ, Đài Loan niêm yết công khai các tài liệu: Đơn khởi kiện của anh Trần Minh T, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc cung cấp lời khai, lời khai, chứng cứ đối với chị Nguyễn Thị Hoa S tại cơ quan Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Việt Nam tại Đ, Đài Loan và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan này nhưng không có kết quả.

Tại phiên tòa anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị S vắng mặt lần thứ hai, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Trần Minh T và chị Nguyễn Thị Hoa S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại Việt Nam được một thời gian thì chị Nguyễn Thị Hoa S đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Hiện tại, cuộc sống chung vợ chồng anh T và chị S bỏ mặc, hai bên không quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung thực tế không tồn tại từ nhiều năm nay, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Trần Minh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Hoa S.

[3]. *Về con chung*: Có một người con chung là cháu Trần Linh Đ, sinh ngày 05/10/2014, hiện đang sinh sống cùng anh T và ông bà nội (là bố mẹ của anh T), Đơn trình bày nguyện vọng của cháu Linh Đ mong muốn được ở với bố Trần Minh T.

Xét thấy hiện tại chị S đang cư trú ở nước ngoài, cháu Linh Đ đang sống với anh T và ông bà nội là bố mẹ ruột của anh T. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của anh T giao cháu Trần Linh Đ cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không yêu cầu chị S cấp dưỡng tiền nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[4]. *Về tài sản chung*: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí, chi phí tố tụng khác*:

Anh Trần Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí tố tụng khác theo quy định của khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 và Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 153, 474, 477, 479 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều: 51, 56, 81, 82, 83, của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Minh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Hoa S.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Trần Linh Đ, sinh ngày 05/10/2014 cho anh Trần Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Linh Đ trưởng thành 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí:

Anh Trần Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0005109 ngày 21/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Về chi phí tố tụng: Anh T phải chịu 2.600.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp và đăng tin trên VOV5 Đ2 (anh T đã nộp đủ tại Tòa án).

Án sơ thẩm xử công khai, anh Trần Minh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Hoa S có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Phúc Trạch;
- Lưu hồ sơ; Tòa DS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

đã ký

Nguyễn Thái Sơn